

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2016
của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thỏa thuận quan hệ đối tác ký kết ngày 21/6/2016 giữa UBND tỉnh Bình Định với Bộ Ngoại giao và Thương mại New Zealand và Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm New Zealand;

Căn cứ Văn bản số 2544/UBND-KT ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh về chủ trương ký kết Hợp đồng Dịch vụ kỹ thuật Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định do Chính phủ New Zealand tài trợ;

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ kỹ thuật Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định ký ngày 24/6/2016 giữa Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm New Zealand với Sở Nông nghiệp và PTNT do Chính phủ New Zealand tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 3438/QĐ/UBND ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động tổng thể 5 năm (2016-2021) của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 103/TTr-SKHĐT ngày 17/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định như sau:

- 1. Tên dự án:** Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định.
- 2. Chủ quản dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
- 3. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.
- 4. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2016.
- 5. Nội dung các hoạt động thực hiện dự án năm 2016**
 - Xây dựng hệ thống sản xuất và xử lý thu hoạch rau an toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng/an toàn thực phẩm rõ ràng.
 - Xây dựng năng lực cho Sở Nông nghiệp và PTNT.
 - Hỗ trợ cơ sở hạ tầng chuỗi cung ứng và nông dân.

- Đào tạo các đối tượng tham gia dự án, thực hiện hệ thống rau an toàn.
- Cải thiện việc thực thi các quy định về hóa chất nông nghiệp và nâng cao nhận thức cộng đồng.
- Xây dựng và thực hiện chiến lược tiếp thị và thương hiệu đối với rau an toàn của dự án sản xuất.
- Quản trị hành chính, quản lý Đối tác, quản lý dự án, giám sát và đánh giá.

6. Nguồn kinh phí thực hiện: 2.639.141.000 đồng (tương đương 164.946 NZ\$ hay 118.613 USD)

Trong đó:

- Kinh phí viện trợ không hoàn lại của NZAP: 2.327.141.000 đồng (tương đương 145.446 NZ\$ hay 104.591 USD)
- Kinh phí đối ứng của tỉnh: 312.000.000 đồng (tương đương 19.500 NZ\$ hay 14.022 USD)

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

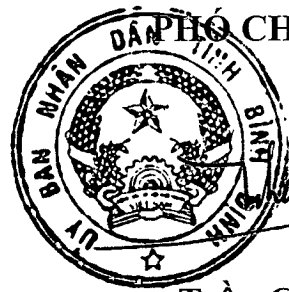
Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (12b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Phụ lục
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 CỦA DỰ ÁN RAU AN TOÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Theo Quyết định số: 3704 /QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Số TT	Nội dung	Kinh phí phê duyệt		
		Tính theo VND (Đồng)	Tính theo tiền New Zealand (NZ\$)	Tính theo tiền USD
	TỔNG CỘNG	2.639.141.000	164.946	118.613
A	Nguồn vốn NZAP (Viện Nghiên cứu cây trồng và thực phẩm New Zealand)	2.327.141.000	145.446	104.591
1	Xây dựng hệ thống sản xuất và xử lý sau thu hoạch rau an toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng/an toàn thực phẩm rõ ràng	342.566.000	21.410	15.396
2	Xây dựng năng lực cho Sở Nông nghiệp và PTNT	258.720.000	16.170	11.628
3	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng chuỗi cung ứng và nông dân	340.000.000	21.250	15.281
4	Đào tạo các đối tượng tham gia dự án; thực hiện hệ thống rau an toàn	454.000.000	28.375	20.404
5	Cải thiện việc thực thi các quy định về hoá chất nông nghiệp và nâng cao nhận thức cộng đồng	436.100.000	27.256	19.600
6	Xây dựng và thực hiện chiến lược tiếp thị và thương hiệu đối với rau an toàn của dự án sản xuất	250.000.000	15.625	11.236
7	Quản trị hành chính, Quản lý Đối tác, Quản lý Dự án, Giám sát & Đánh giá	245.755.000	15.360	11.045
B	Nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh Bình Định	312.000.000	19.500	14.022
1	Lương 3 cán bộ làm việc chuyên trách (Cán bộ kế toán, Cán bộ phiên dịch, nhân viên lái xe)	93.504.000	5.844	4.202
2	Phụ cấp làm việc kiêm nhiệm	108.150.000	6.759	4.861
3	Bảo hiểm, bảo trì sửa chữa, lưu hành xe ô tô	32.800.000	2.050	1.474
4	Chi phí vận hành văn phòng	68.546.000	4.284	3.081
5	Chi phí hoạt động của Ban chỉ đạo dự án	9.000.000	563	404

(Chữ ký)